

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Cơ;

Bà Nguyễn Hồng Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1993 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Lê Chí H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 22 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà G và ông H tổ chức cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 21/03/2016. Sau khi kết hôn, bà G và ông H chung sống hạnh phúc 06 năm. Đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đời sống chung không hòa hợp, hôn nhân không có tiếng nói chung. Nay bà G xác định hôn nhân không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Chí H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà G và ông H có 02 con chung là Lê Ng, sinh ngày 26/11/2016 và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/8/2018. Con chung Lê Ng hiện này đang sống với ông H, con chung Lê Nguyễn Thanh T hiện đang sống với bà G. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Nguyễn Thanh T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là Thanh T. Bà G đồng ý nhường quyền nuôi con chung Lê Ng cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà G không cấp dưỡng nuôi con Lê Ng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Lê Chí H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Lê Chí H vắng mặt, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Ông Lê Chí H đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng H vắng mặt, không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Chí H.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Lê Chí H. Về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Ng, sinh ngày 26/11/2016 cho ông Lê Chí H và giao con chung Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/8/2018 cho bà Nguyễn Thị G được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G và ông H không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Chí H đã được Toà án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Chí H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Chí H tự nguyện tổ chức cưới, được UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 21/3/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Lê Chí H là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện bà G yêu cầu ly hôn do từ tháng 11/2021 đến nay vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, hôn nhân không có hạnh phúc. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà G và ông H từ tháng 11/2021 đến nay nhưng không giải quyết được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà G và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị G.

[3] Về con chung: Bà G và ông H có 02 người con chung là Lê Ng, sinh ngày 26/11/2016 và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/8/2018.

Bà G yêu cầu nuôi con là Lê Nguyễn Thanh T và đồng ý giao con Lê Ng cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Lê Ng đang sống với ông H, cháu Lê Nguyễn Thanh T đang sống với bà G. Hội đồng xét xử xét thấy nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung thì cần thiết giao cháu Lê Ng cho ông H trực tiếp nuôi đến khi cháu Lê Ng đủ 18 tuổi và giao cháu Lê Nguyễn Thanh T cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Bà G và ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Chí H không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Lê Chí H.
2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị G được quyền trực tiếp nuôi con chung Lê Ng Thanh T, sinh ngày 05/8/2018 cho đến khi cháu Lê Ng Thanh T đủ 18 tuổi và giao cho ông Lê Chí H được quyền trực tiếp nuôi con chung Lê Ng, sinh ngày 26/11/2016 cho đến khi cháu Lê Ng đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Chí H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Chí H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009832 ngày 30/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Thị G đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.
7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mến**